

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/KDTM-ST

Ngày: 31/3/2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phúc Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiệp - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2023/TLST-KDTM ngày 04/01/2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-KDTM ngày 09/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-KDTM ngày 20/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công Ty cổ phần Bê tông Xây dựng và Thương mại P;

Trụ sở: BT7, Ô 11 Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Thế Anh - Chức danh: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhật Huy, sinh năm 1998 - Công ty Luật TNHH Barrister Việt Nam (Theo hợp đồng ủy quyền số 22/HĐUQ-PT ngày 26/10/2022, Quyết định phân công nhân sự tham gia giải quyết vụ việc số 13/2022/QĐ-BLF ngày 30/11/2022); có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần S;

Trụ sở: Tầng 3 tòa nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Tổng Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công Ty cổ phần Bê tông Xây dựng và Thương mại P và đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/5/2019 Công ty Phúc Thành và Công ty Sông Đà 4 cùng ký kết hợp đồng mua bán về việc Công ty Phúc Thành cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty Sông Đà 4 Công ty Phúc Thành sản xuất đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật công trình phục vụ thi công gói thầu số 1 xây thô và hoàn thiện mặt ngoài công trình thấp tầng – Dự án tổ hợp thương mại, dịch vụ căn hộ cao cấp và nhà ở thấp tầng tại ô đất TTDV-01 Khu đô thị mới An Hưng, phường La Khê và phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

- Hợp đồng mua bán số 179/SDD4-PT/2019;
- Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 179-01/SDD4-PT/PLHĐ/2019 ngày 01/7/2019.

Theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng: Vào ngày cuối cùng hàng tháng, hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng thực tế thực hiện để xác định giá trị công nợ và bên bán xuất hóa đơn tài chính cho bên mua. Bên mua có trách nhiệm thanh toán 100% tiền bê tông và bơm bê tông cho bên bán sau 60 ngày kể từ ngày chốt khối lượng. Trường hợp bên mua không thanh toán cho bên bán theo đúng các điều khoản thanh toán thì bên B có quyền đơn phương dừng cung cấp bê tông cho bên mua và bên mua không được lấy bê tông của bên khác vào cung cấp cho công trình bên bán đang cung cấp khi chưa hoàn thành thanh toán cho bên bán. Nếu quá hạn thanh toán mà bên bán vẫn chưa nhận được tiền thanh toán của bên mua thì bên mua có trách nhiệm thanh toán cho bên bán toàn bộ số nợ gốc và số tiền lãi theo lãi vay của 1 Ngân hàng thương mại bất kỳ tính tại thời điểm phát sinh công nợ. Thời hạn chậm thanh toán không được quá 15 ngày kể từ ngày đến thời hạn thanh toán.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty Phúc Thành đã hoàn thành công việc và trách nhiệm của bên bán về việc cung cấp đủ khối lượng bê tông theo yêu cầu. Ngày 27/10/2020, giữa hai bên đã tiến hành lập biên bản và ký biên bản đối chiếu công nợ với nhau. Cụ thể:

- + Tổng giá trị hoàn thành tương ứng số tiền: 1.121.230.000 đồng;
- + Giá trị đã thanh toán số tiền: 900.000.000 đồng;
- + Giá trị còn lại phải thanh toán: 221.230.000 đồng.

Công ty Phúc Thành đã nhiều lần yêu cầu Công ty Sông Đà 4 thực hiện nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền còn nợ 221.230.000 đồng, tuy nhiên Công ty Sông Đà 4 không thực hiện, đồng thời cắt liên lạc với Công ty Phúc Thành. Công ty Sông Đà 4 đã vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng mua bán đã ký kết giữa hai bên, xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Phúc Thành.

Đề nghị Tòa án:

- Buộc Công ty Cổ phần S phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc còn lại là 221.230.000 đồng;

- Công ty Cổ phần S phải chịu lãi chậm trả đối với nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với lãi suất 10%/năm/số tiền nợ (tương đương 0,83%/tháng = 0,028%/ngày), tính từ ngày 08/02/2021 tạm tính đến ngày 31/3/2023, tương đương thời gian chậm trả là 25 tháng 23 ngày với số tiền là: 221.230.000 đồng x 0,83% x 25 tháng 23 ngày = 48.502.465 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty Cổ phần S phải thanh toán cho Công ty Phúc Thành tạm tính đến ngày 31/3/2023 là 269.372.465 đồng và tiếp tục phải chịu lãi theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong công nợ gốc.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án, yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ cho bị đơn Công ty Cổ phần S. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần S không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố đối với Nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là Buộc Công ty Cổ phần S phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán đối với nợ gốc với lãi suất 10%/năm, thời gian tính tiền lãi chậm trả từ ngày 08/02/2021 và tiếp tục phải chịu lãi theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong công nợ gốc Công ty Cổ phần S còn phải tiếp tục phải chịu lãi cho đến khi thanh toán xong công nợ gốc. Tổng số tiền gốc và lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 31/3/2023 buộc Công ty Cổ phần S phải thanh toán là 48.502.465 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần S vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm Sát viên không kiến nghị, khắc phục hay bổ sung gì khác.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Công Ty cổ phần Bê tông Xây dựng và Thương mại P khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần S thanh toán số tiền nợ gốc là 221.230.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán của Hợp đồng mua bán số 179/SDD4-PT/2019 và Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 179-01/SDD4-PT/PLHĐ/2019 ngày 01/7/2019 được ký kết giữa Công Ty cổ phần Bê tông Xây dựng và Thương mại P và Công ty Cổ phần S về việc cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty Sông Đà 4 bê tông thương phẩm do Công ty Phúc Thành sản xuất đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật công trình phục vụ thi công gói thầu số 1 xây thô và hoàn thiện mặt ngoài công trình tháp tầng – Dự án tổ hợp thương mại, dịch vụ căn hộ cao cấp và nhà ở thấp tầng tại ô đất TTDV-01 Khu đô thị mới An Hưng, phường La Khê và phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Đối chiếu các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại Điều 24 Luật Thương mại.

[2] Về thẩm quyền: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa; Bị đơn Công ty Cổ phần S có trụ sở tại Tầng 3 Tòa nhà TM Khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

[3] Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn Công ty Cổ phần S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xác định Hợp đồng mua bán số 179/SDD4-PT/2019 và Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 179-01/SDD4-PT/PLHĐ/2019 ngày 01/7/2019 được ký kết

giữa Công Ty cổ phần Bê tông Xây dựng và Thương mại P và Công ty Cổ phần S được ký kết trên cơ sở tự nguyện, có nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật.

- Đối với số tiền gốc: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 221.230.000 đồng. Tài liệu chứng cứ Nguyên đơn xuất trình để khởi kiện bị đơn là Biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/8/2019, 27/10/2020, Biên bản xác nhận khối lượng, giá trị bê tông hoàn thành ngày 14/8/2019, Giấy báo có các ngày 30/9/2019, 19/11/2019, 21/01/2020, 08/02/2021. Về phía bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để xác định việc đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 221.230.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại các điều 50, 55 Luật Thương mại.

- Về thời điểm tính lãi chậm thanh toán: Tại Điều 4 của hợp đồng các bên thỏa thuận: *“Bên mua có trách nhiệm thanh toán 100% tiền bê tông và bơm bê tông cho bên bán sau 60 ngày kể từ ngày chốt khối lượng”*, và ngày các bên chốt khối lượng, giá trị bê tông hoàn thành là ngày 14/8/2019. Như vậy, xác định ngày Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 15/10/2019. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện của Nguyên đơn đều xác định thời gian Công ty Sông Đà 4 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính từ khi hai bên chốt công nợ cuối cùng là ngày 08/02/2021. Yêu cầu này của nguyên đơn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán đối với nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với lãi suất 10%/năm/số tiền nợ (tương đương 0,83%/tháng = 0,028%/ngày). Tạm tính đến ngày xét xử là tương đương thời gian chậm trả là 25 tháng 23 ngày = 783 ngày với số tiền là: 221.230.000 đồng x 0,028% x 783 ngày = 48.502.465 đồng. Xét thấy: Tại Mục 4.2 Điều 4 của Hợp đồng hai bên thỏa thuận: *“Nếu quá hạn thanh toán mà bên B vẫn chưa nhận được tiền thanh toán của bên A thì bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B toàn bộ số nợ gốc và số tiền lãi theo lãi vay của 1 Ngân hàng thương mại bất kỳ tính tại thời điểm phát sinh công nợ. Thời hạn chậm thanh toán không được quá 15 ngày kể từ ngày đến thời hạn thanh toán”*.

Nguyên đơn trình bày, tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại cổ phần rất cao. Để tạo điều kiện cho bị đơn nên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán là 10%/năm/số tiền nợ.

Tại Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định

của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: “*Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, ...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

Tại thời điểm tòa án xét xử sơ thẩm, theo cung cấp mức lãi suất cho vay ngắn hạn của các ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là $8,5\%/năm \times 120\% = 10,2\%/năm$, Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam $8\%/năm \times 150\% = 12\%/năm$, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam $9\%/năm \times 150\% = 13,5\%/năm$. Xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là $11,9\%/năm = 0,99\%/tháng = 0,033\%/ngày$.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán đối với nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với lãi suất $10\%/năm/số tiền nợ$ (tương đương $0,83\%/tháng = 0,028\%/ngày$). Yêu cầu này thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng trên thị trường tại thời điểm xét xử. Yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vậy, Công ty Sông Đà 6 phải chịu lãi chậm thanh toán tính trên số tiền còn lại cho Công ty Phúc Thành như sau:

- Từ ngày 08/02/2021 đến ngày 31/3/2023 là: $221.230.000 \text{ đồng} \times 0,028\% \times 783 \text{ ngày} = 48.502.465 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 08/02/2021 đến ngày 31/3/2023 Công ty Sông Đà 6 phải trả cho Công ty Phúc Thành: $221.230.000 + 48.502.465 \text{ đồng} = 269.732.465 \text{ đồng}$.

Công ty Sông Đà 4 còn phải tiếp tục chịu lãi cho đến khi thanh toán xong công nợ gốc.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Công ty Cổ phần S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Công ty Phúc Thành không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228; 235; 254, 266; 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công Ty cổ phần Bê tông Xây dựng và Thương mại P đối với Bị đơn Công ty Cổ phần S về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty Cổ phần S phải có trách nhiệm thanh toán cho Công Ty cổ phần Bê tông Xây dựng và Thương mại P tổng số tiền: 269.732.465 đồng (Hai trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi hai ngàn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng).

Trong đó bao gồm nợ gốc là 221.230.000 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu, hai trăm ba mươi ngàn đồng), lãi chậm thanh toán tính đến ngày 31/3/2023: 48.502.465 đồng (bốn mươi tám triệu, năm trăm lẻ hai ngàn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 01/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán số 179/SDD4-PT/2019 và Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 179-01/SDD4-PT/PLHD/2019 ngày 01/7/2019 được ký kết giữa Công Ty cổ phần Bê tông Xây dựng và Thương mại P và Công ty Cổ phần S, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 13.486.623 đồng (mười ba triệu, bốn trăm tám mươi sáu ngàn, sáu trăm hai mươi ba đồng).

Công Ty cổ phần Bê tông Xây dựng và Thương mại P không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 5.530.000 đồng (năm triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng) theo biên lai số AA/2020/0010967 ngày 04/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết công khai.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồng Phương